

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HS-ST

Ngày: 11/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phú Lâm

Ông Nguyễn Công Khánh

Ông Nguyễn Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/HSST-QĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa hình sự sơ thẩm số 107/2024/TB-TA ngày 02 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/HSST-QĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

1. Trần Thị Huyền T, sinh năm 1990 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: 124/131 đường B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: nhân viên kế toán. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Thiên chúa.

Quốc tịch: Việt Nam. Con ông [Trần Thanh H](#), sinh năm 1966 và bà [Trần Thị Phương H1](#), sinh năm 1967. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con lớn nhất. Bị cáo có chồng tên [Nguyễn Hoàng Quốc P](#), sinh năm 1987 và có 02 con, lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 27/9/2023 theo Quyết định truy nã số 09/QĐTN-CSKT (Đ4) ngày 29/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#). Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam [Công an tỉnh Đ](#).

(Bị cáo có mặt)

- *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:* Luật sư [Nguyễn Quang T1](#) – [Công ty L4](#) và cộng sự, thuộc [Đoàn Luật sư tỉnh Đ](#).

(Có mặt).

Địa chỉ: [O đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#).

- **Bị hại:** Ông [Lê Hồng Công T2](#), sinh năm 1991. (Có mặt).

Địa chỉ: [Ấp F, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai](#).

• **Nguyên đơn dân sự:** [Công ty cổ phần T5](#).

Địa chỉ: [Số B, đường H, phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự: Bà [Võ Thị Trung N](#), sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ: [C H, phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[Công ty Cổ phần T5](#) (viết tắt là [Công ty T5](#)) được Phòng đăng ký kinh doanh [Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B](#) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp [Công ty Cổ phần S](#), đăng ký lần đầu ngày 04/08/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/11/2017, địa chỉ trụ sở: [Lô E, E4 khu công nghiệp M, thị xã B, tỉnh Bình Dương](#); vốn điều lệ: 500 tỷ đồng; Người đại diện theo pháp luật của Công ty gồm 3 người: Ông [Lê Nguyên H2](#), sinh ngày 31/3/1954, cư trú: [Số A, đường N, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh](#) là Giám đốc; bà [Trần Thị L](#), sinh ngày 11/08/1973 là thành viên Hội đồng quản trị; ông [Trần Thanh H](#), sinh ngày 20/12/1972 là Chủ tịch

Hội đồng quản trị, cùng cư trú tại [F G, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh](#).
Ngành nghề kinh doanh: Các sản phẩm từ sữa. Chi nhánh [Công ty Cổ phần T5](#) (Biển hiệu là [Trung tâm P2](#)) được Phòng đăng ký kinh doanh [Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh D](#) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp [công ty cổ phần S1](#), đăng ký lần đầu ngày 19/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31/8/2016, địa chỉ trụ sở: [số D, đường D, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#); Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh là ông [Lê Nguyên H2](#). Hoạt động theo uỷ quyền của [Công ty T5](#). Hạch toán kinh doanh phụ thuộc, toàn bộ tiền doanh thu được chuyển về [Công ty T5](#) là Công ty mẹ tại Bình Dương.

Ngày 26/7/2018, [Công ty T5](#) đã ban hành “Quy định mô là công việc” mã tài liệu HRC002A, cấp tài liệu B do bà [Trần Thị L](#) - Tổng Giám đốc ký duyệt quy định chi tiết cụ thể nhiệm vụ, hướng dẫn công việc của từng vị trí nhân viên, bộ phận, việc báo cáo của các nhân viên trong Công ty.

[Công ty T5](#) sử dụng hệ thống phần mềm DMS mini để phục vụ cho việc quản lý hệ thống kế toán. Trong đó, nhân viên kế toán bán đến tiền hàng là người thao tác thủ công bằng tay nhập hoặc gỡ số liệu liên quan (tiền mặt, chuyển khoản, coupon, chiết khấu..) trên phần mềm của các Hóa đơn bán hàng (gọi là phiếu thu tiền). Việc nhập hoặc gỡ số liệu này kế toán bán hàng căn cứ vào đơn hàng (số lượng hàng hóa) do các Nhân viên bán hàng tạo ra trên DMS 1, sao cho khớp đúng số lượng hàng hóa và số tiền với nhau. Hàng ngày, sau khi thu tiền từ khách hàng trong ngày về nhân viên thu tiền theo từng khu vực của [Công ty T5](#) phải nộp tiền mặt về cho thủ quỹ hoặc chuyển khoản về tài khoản của Công ty, đồng thời lập Biên bản thu khu vực của ngày hôm đó nộp lại cho Kế toán bán hàng để kiểm tra và nhập số liệu. Kế toán bán hàng căn cứ vào Biên bản thu tiền để nhập áp bằng tay số tiền đã thu được của từng hóa đơn bán hàng lên trên phần mềm kế toán DMS mini như: tiền ngân hàng, tiền mặt khác, coupon, chiết khấu... Sau khi kế toán bán hàng nhập áp đúng số liệu tiền thu trong ngày lên Báo cáo số 21 vào đúng ngày thu tiền hoặc ngày sau đó (vì Nhân viên thu tiền đi thu về trễ không kịp nộp về công ty trong ngày, Kế toán bán hàng nhập số tiền thực tế nhân viên thu tiền đã thu vào ngày sau để tạo điều kiện cho khách hàng đã thanh toán tiền được đặt đơn hàng mới) thì số dư nợ thời điểm hiện tại trên Báo cáo số 87 của các khách hàng là bằng 0 đồng. Đối với việc nhập áp số liệu tiền vào ngày tương lai mặc dù trên Báo cáo số 87 công nợ của khách hàng thể hiện là 0 đồng, nhưng trên báo cáo công nợ thực tế là Báo cáo số 51 vẫn thể hiện công nợ thực tế của khách hàng, để các bộ phận liên quan như giám sát kế toán bán hàng, quản lý thu tiền... kiểm tra, đối chiếu, đôn đốc thu hồi công nợ kịp thời. Theo

quy định của [Công ty T5](#) khách hàng được chiết khấu trực tiếp 0,4% số tiền trên hoá đơn bán hàng khi thanh toán tiền trong ngày.

Ngày 01/10/2016, ông [Lê Vinh X](#) - Phó Tổng Giám đốc nhân sự đại diện [Công ty T5](#) ký Hợp đồng lao động số 934/HĐLD.2 2016 với ông [Lê Hồng Công T2](#), sinh ngày 12/4/1991, trú tại [số F, đường D, tổ D, khu phố E, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh](#) là nhân viên thu tiền từ ngày 01/10/2016 thời gian không xác định. Theo quy định bản mô tả công việc của ông [T2](#) là hàng ngày thu tiền khách hàng trên địa bàn [huyện L, tỉnh Đồng Nai](#). Quy trình thu tiền của khách hàng và nộp tiền về Công ty được quy định như sau: Buổi sáng nộp lại Bảng kê biên bản thu tiền ngày hôm trước cho kế toán bán hàng nhập số liệu; kiểm tra đơn mới ký nhận biên bản giao nhận hóa đơn ngày mới...; 17 giờ hàng ngày, sau khi thu tiền của khách hàng phải kiểm tra lại toàn bộ đơn hàng thu trong ngày nếu nộp tiền mặt phải lập bảng kê nộp tiền cho thủ quỹ và nhân viên ngân hàng hỗ trợ thu tiền tại [Trung tâm P2- Công ty T5](#), những địa điểm xa, về trễ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của [Công ty T5](#); tiền thu trong ngày không được đem về nhà cất giữ; Báo cáo cho kế toán cấp quản lý nếu phát sinh các vấn đề liên quan đến việc thu tiền; Hàng tháng xác nhận công nợ khách hàng. Ngoài mức lương theo hợp đồng là 3.750.000 đồng, Công ty còn trả thêm phụ cấp xăng xe và đánh giá công việc hàng tháng. [L1](#) được chuyển về tài khoản cá nhân của anh [T2](#) số 0181003339902 tại [Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 \(V\) - Chi nhánh N2](#).

[Trần Thị Huyền T](#) là nhân viên Kế toán bán hàng, kiêm Kế toán công nợ thời gian từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/06/2022 được ông [Phan Văn D](#) - Giám đốc nhân sự đại diện [C1](#) ký Hợp đồng lao động số 2395/2019 ngày 01/10/2019. Theo quy định bản mô tả công việc thì [T](#) được giao nhiệm vụ: cập nhật và xử lý đơn của khách hàng; tạo và in biên bản thu tiền giao cho nhân viên thu tiền; lưu Biên bản thu tiền khách hàng sau khi phát hành ký nộp tiền; nhập hóa đơn bán hàng có trong biên bản thu tiền sao cho khớp với quỹ của Trung tâm phân phối miền [Đ](#); Vào hệ thống kế toán của Công ty và thực hiện các thao tác trên hệ thống quản lý doanh nghiệp quản lý phân phối hàng hóa ra thị trường (DMS); Báo cáo tình hình nhận đơn hàng, tình hình công nợ cho giám sát công nợ và giám sát kế toán bán hàng, những đơn chưa thu được tiền, chưa có hóa đơn đỏ đưa về gửi mail cho các bộ phận liên quan, [B](#), nhân viên thu tiền để thu công nợ; Báo cáo số dư nợ thời điểm hiện tại; Báo cáo thu tiền chi tiết; Lưu trữ và bảo quản chứng từ theo luật kế toán, liên xanh (các đơn hàng đã thanh toán hết) lưu theo Bảng kê nộp tiền mặt, liên hồng (đỏ) dùng làm cơ sở cho việc chứng minh khách hàng còn nợ. Ngoài mức lương theo hợp đồng là 5.000.000 đồng công ty còn trả thêm phụ cấp xăng xe và đánh giá công việc hàng

tháng. [L1](#) được chuyển về tài khoản cá nhân của [T](#) số tài khoản 0121002282385 tại [Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 \(V\) - Chi nhánh Đ1](#).

Hàng ngày, trong quá trình thực hiện công việc được giao ông [T2](#) phải nộp lại bảng kê Biên bản thu tiền hàng ngày cho [T](#) xem để nhập số liệu; nhận và kiểm tra Biên bản thu tiền, đơn nợ cho khách hàng từ [T](#); Báo cáo cho [T](#) các vấn đề liên quan đến việc thu tiền như khiếu nại đơn hàng, chương trình trả thưởng...

Trong thời gian làm việc cho [Công ty T5](#), [T](#) có vay tiền bên ngoài xã hội không có tiền trả nợ nên [T](#) và gia đình liên tục bị các đối tượng gọi điện thoại đe dọa (mỗi lần các đối tượng dùng một số điện thoại khác nhau nên [T](#) không thể xác định được số điện thoại nào gọi và ai gọi). Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, [T](#) đã lợi dụng nhiệm vụ, công việc được giao cùng mối quan hệ là đồng nghiệp, đặt vấn đề nói dối với ông [T2](#) mình cần tiền để chuyển khoản trả cho người bán hàng ([T](#) mua bán bánh kẹo kiếm thêm thu nhập) nhưng 17 giờ đi làm về ngân hàng đã đóng cửa nên không thể nộp tiền vào để trả tiền hàng cho bên bán hàng được, [T](#) đề nghị ông [T2](#) chuyển một phần tiền thu được trong ngày của khách hàng vào tài khoản cá nhân của [T](#) số 0121002282385 tại [ngân hàng V - Chi nhánh Đ1](#) và cam kết với ông [T2](#) lấy tiền mặt của [T](#) nộp cho Thủ quỹ [Trung tâm P2](#) để bù vào số tiền này cho đủ trong ngày hôm sau. Tin tưởng [T](#), ông [T2](#) đã đồng ý và sau nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu của [T](#), hàng tháng ông [T2](#) vẫn nhận được lương, thưởng mà không nhắc nhở nên sau này khi [T](#) đề nghị, ông [T2](#) vẫn tiếp tục chuyển khoản cho [T](#).

Bên cạnh đó, khi thực hiện công việc của mình [T](#) biết được sơ hở trong hệ thống phần mềm kế toán DMS mini của [Công ty T5](#), việc kiểm tra, đối chiếu, quản lý của các bộ phận quản lý thu tiền, giám sát kê toán bán hàng, giám sát công nợ, kế toán kiểm tra ... nên đã thực hiện việc nhập áp tiền thu khách hàng khu vực [huyện L](#) không đúng thực tế vào Báo cáo số 21. Bên cạnh đó với nhiệm vụ theo dõi công nợ, nên đã báo cáo sai sự thật với các bộ phận liên quan về số tiền ông [T2](#) đã thu của khách hàng nộp về [Công ty T5](#) là đủ theo Biên bản thu tiền ông [T2](#) đã kê, nhưng thực chất số tiền ông [T2](#) chuyển khoản cho [T](#), [T](#) đã không nộp tiền mặt về công ty như đã hứa với ông [T2](#). Tuy không được giữ tiền nhưng với thủ đoạn gian dối như trên mà hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài của [T](#) đã được che giấu trong suốt khoảng thời gian dài không bị ông [T2](#) và Công ty phát hiện.

Ngày 16/6/2020, [Công ty T5](#) tiến hành cơ cấu lại nhân sự giao nhiệm vụ kế toán công nợ cho chị [Ngô My L2](#) quản lý. Vì các hóa đơn bán hàng khu vực [huyện L](#) thu tiền được nhiều hơn thời gian trước nên ngày 01/7/2020, anh [Nguyễn Vũ Đại P1](#), sinh năm 1993 trú tại [số C, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#) là

quản lý thu tiền (nhân viên thu tiền là ông [T2](#) chịu sự quản lý của anh [P1](#)) đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu công nợ thực tế của khách hàng khu vực [huyện L](#). Quá trình kiểm tra thực tế phát hiện chênh lệch tiền thu hàng giữa Báo cáo 21, Báo cáo 87, Báo cáo 51, từ đó phát hiện ra việc [T](#) chiếm đoạt tiền ông [T2](#). Cụ thể như sau: Từ ngày 18/12/2019 đến ngày 16/6/2020, ông [T2](#) đã thu được 13.591.818.228 đồng của khách hàng khu vực [huyện L](#). Trong đó, có 87 Biên bản thu tiền khu vực [huyện L](#) liên quan đến số tiền [T](#) đã chiếm đoạt của [Công ty T5](#). Tổng số tiền ông [T2](#) đã thu khách hàng khu vực [huyện L](#) trong 87 Biên bản thu tiền này là 8.258.918.000 đồng, ông [T2](#) nộp về 02 tài khoản: Tài khoản số 149498429 tại [ngân hàng Á \(A\)](#) - [Chi nhánh B1, Thành phố Hồ Chí Minh](#) và tài khoản số 0071001281088 tại [ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 \(V\)](#)- [Chi nhánh Thành phố H](#), chủ tài khoản [Công ty Cổ phần T5](#) số tiền 6.482.690.700 đồng và số tiền ông [T2](#) chưa nộp về Công ty là 1.776.227.300 đồng vì theo đề nghị của [T](#), thông qua 92 giao dịch ông [T2](#) đã chuyển về tài khoản số 0121002282385 tên [Trần Thị Huyền T](#) số tiền 1.776.258.200 đồng và chênh lệch 30.900 đồng là do tiền phí chuyển khoản ông [T2](#) chuyển dự cho [T](#). Hành vi chiếm đoạt tiền của [T](#) được thực hiện cụ thể như sau:

Ngày 18/12/2019, sau khi thu được tiền của khách hàng khu vực [huyện L](#) từ 16 Hóa đơn bán hàng với số tiền 60.975.000 đồng, theo đề nghị của [T](#) và thông qua giao dịch số VNCK.242496, ông [T2](#) đã tách chuyển từ tài khoản của mình số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản 0121002282385 của [T](#), nộp 50.975.000 đồng vào tài khoản của [công ty T5](#) ([Ngân hàng Á](#) 33.000.000 đồng và [ngân hàng V](#) 17.975.000 đồng). Sau đó, ông [T2](#) chụp hình Biên bản thu tiền khu vực [huyện L](#) ngày 18/12/2019 gửi qua zalo từ số điện thoại 0772098855 của ông [T2](#) đến số điện thoại 0359.809.093 của [T](#) để [T](#) theo dõi và nhập áp số liệu tiền vào Báo cáo số 21. Theo đúng quy định, sau khi nhận Biên bản thu tiền khu vực [L](#) ngày 18/12/2019 từ ông [T2](#), [T](#) phải nhập đúng 16 Hóa đơn bán hàng với số tiền 60.975.000 đồng đã thu được vào ngày 18/12/2019 lên Báo cáo số 21, nhưng do có ý định chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng từ trước nên [T](#) chỉ nhập áp số liệu số tiền 50.975.000 đồng (của một trong số 16 hóa đơn, hiện nay [T](#) không nhớ đã chọn hóa đơn nào để nhập do thời gian đã lâu) bằng với số tiền ông [T2](#) chuyển khoản vào tài khoản của [công ty T5](#) vào ngày 18/12/2019 lên Báo cáo số 21. Còn số tiền 10.000.000 đồng (của các hóa đơn còn lại), [T](#) nhập áp lên Báo cáo số 21 khách hàng thanh toán vào ngày hôm sau 19/12/2019. Với thao tác này, số tiền 60.975.000 đồng ông [T2](#) đã thu của khách hàng khu vực [huyện L](#) ngày 18/12/2019 không còn thể hiện trên Báo cáo số 87.

Ngày 20/12/2019, [T](#) tiếp tục đề nghị và đã được ông [T2](#) chuyển khoản cho [T](#) số tiền 10.000.000 đồng, ông [T2](#) nộp vào tài khoản [công ty T5](#) số tiền 59.010.000 đồng.

T lại thực hiện các thao tác như trên nhập áp tiền lên Báo cáo số 21 các hóa đơn bán hàng mới khác trong ngày 20/12/2019 với tổng giá trị 20.000.000 đồng (bao gồm số tiền 10.000.000 đồng tiền T2 chuyển cho T ngày 18/12/2019 và số tiền 10.000.000 đồng chuyển vào ngày 20/12/2019) vào ngày 21/12/2019.

Với phương thức thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 18/12/2019 đến ngày 16/6/2020, T thực hiện liên tiếp với 87 Biên bản thu tiền khu vực L, chiếm đoạt số tiền 1.776.227.300 đồng của ông Lê Hồng Công T2.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Trần Thị Huyền T đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.776.227.300 đồng, trong đó:

- Trực tiếp chuyển khoản trả cho Công ty T5 900.000.000 đồng.
- Giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (PC03) số tiền 876.227.300 đồng. Số tiền này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ-CSKT(Đ4) ngày 26/4/2022 trả cho ông Lê Hồng C T2 và ông T2 đã giao nộp số tiền này cho Công ty T5;

Tại cáo trạng số: 17/CT-VKS-P2 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố Trần Thị Huyền T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T mức án từ 13 (mười ba) đến 15 (mười lăm) năm tù.

- *Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T*: Thống nhất với đề nghị truy tố về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại, nguyên đơn dân sự; có con còn nhỏ; chưa có tiền án, tiền sự; chồng bị cáo mới chấp hành án xong. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về chăm sóc con nhỏ.

- *Ý kiến của bị cáo*: Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận bổ sung gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#), Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2] Về tội danh và áp dụng điều luật:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, [Trần Thị Huyền T](#) là nhân viên kế toán bán hàng kiêm kế toán công nợ của [Công ty T5](#) đã thực hiện hành vi, lợi dụng mối quan hệ đồng nghiệp với ông [Lê Hồng C](#) Toại nhân viên thu tiền, [T](#) đã nói dối với ông [T2](#) là 17 giờ [T](#) đi làm về ngân hàng đóng cửa không nộp tiền được vào tài khoản để trả cho người bán hàng ([T](#) bán bánh kẹo khi nhập hàng cần tiền chuyển khoản cho chủ hàng) nên đề nghị sau khi thu tiền khách hàng về ông [T2](#) chuyển một phần tiền cho [T](#) vào tài khoản của [T](#) theo số tài khoản 0121002282385, sau đó [T](#) sẽ lấy tiền mặt của mình nộp cho Thủ quỹ [Trung tâm P2 - Công ty Cổ phần T5](#) giúp ông [T2](#). Do tin tưởng nên ông [T2](#) đã chuyển tiền cho [T](#), tuy nhiên sau khi nhận được tiền do ông [T2](#) chuyển khoản, [T](#) đã chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân và không thực hiện chuyển trả cho [Công ty Cổ phần T5](#). Đồng thời, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý hệ thống kế toán của phần mềm DMS mini cho nhập dữ liệu khách hàng thanh toán tiền vào ngày tương lai và xóa công nợ của khách hàng trong thời điểm hiện tại nhằm tạo điều kiện cho khách đặt đơn hàng tiếp theo, nên [T](#) thực hiện việc nhập áp sai thực tế số tiền mà ông [T2](#) đã thu được của các khách hàng liên quan đến 87 Biên bản thu tiền khách hàng khu vực [huyện L](#) như đã nêu trên để chiếm đoạt tài sản của ông [T2](#). Với phương thức thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 18/12/2019 đến ngày 16/6/2020, [T](#) đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền bán hàng của ông [Lê Hồng Công T2](#) với tổng số tiền 1.776.227.300 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của [Trần Thị Huyền T](#) đã phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự như

cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Nai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ nhận thức và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường số tiền đã chiếm đoạt; có con còn nhỏ; chưa có tiền án, tiền sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về bồi thường dân sự: Bị hại và nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về những vấn đề khác liên quan:

Đối với ông [Lê Hồng Công T2](#), căn cứ vào bản sao kê [T2](#) giao nộp cho Cơ quan điều tra xác định: [T2](#) đã chuyển tiền từ ba tài khoản ngân hàng tên [Lê Hồng Công T2](#) vào tài khoản số 0121002282385 tên [Trần Thị Huyền T](#) tại [ngân hàng V - Chi nhánh Đ1](#). Do thời gian đầu chuyển một phần tiền cho [T](#), ông [T2](#) đã kiểm tra bằng việc dò hỏi quản lý thu tiền, thủ quỹ, nhân viên bán hàng không thấy họ bị nhắc nhở hay bị cắt lương, thưởng nên [T2](#) nghĩ [T](#) đã thực hiện đúng lời hứa. Vì vậy, những lần sau đó, khi được [T](#) đề nghị. Toại vẫn tiếp tục chuyển một phần tiền thu của các khách hàng khu vực [huyện L](#) cho [T](#). Đến khi Công ty phát hiện ra sự việc trên, [T2](#) mới biết [T](#) đã không thực hiện như đã hứa và chiếm đoạt số tiền trên. Căn cứ bản mô tả công việc của nhân viên thu tiền, 17 giờ hàng ngày sau khi thu tiền về [T2](#) phải nộp tiền về cho [Công ty T5](#), tuy nhiên [T2](#) đã thực hiện không đúng theo quy định mà chuyển khoản cho [T](#) với điều kiện nộp tiền mặt cho thủ quỹ [Trung tâm P2](#), tạo sơ hở cho [T](#)

có được tiến và thực hiện thao tác nhập áp số liệu gian dối chiếm đoạt tài sản. Quá trình thực hiện công việc được giao, [T2](#) không biết [T](#) thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, không bàn bạc thỏa thuận với [T](#) về việc thực hiện hành vi phạm tội, không giúp [T](#) che giấu hành vi phạm tội và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của [T](#). Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với [T2](#) là phù hợp.

Đối với anh [Nguyễn Vũ Đại P1](#): Quá trình thực hiện công việc, căn cứ vào báo cáo công nợ hàng ngày do [T](#) gửi đến để kiểm tra báo cáo số 21 và Báo cáo số 87 trên hệ thống phần mềm kế toán. Chi tiến hành kiểm tra, đối chiếu với chứng từ thực tế, hay mở những ngày trước và sau Báo cáo số 21 và báo cáo số 87 để kiểm tra khi xảy ra bất thường. Không tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu tiền với báo cáo số 51 do anh [Ngô Anh T3](#) phụ trách. Việc kiểm tra, đối chiếu chứng từ và số liệu được thực hiện khi [T](#) giao lại kế toán công nợ cho chị [Ngô My L2](#), anh [P1](#) mới phát hiện bất thường do trong ngày có rất nhiều hóa đơn bán hàng được thanh toán nên đã báo cáo xin ý kiến, tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu tại báo cáo số 21, 87, 51 và đi xác minh công nợ thực tế nên phát hiện ra hành vi chiếm đoạt tiền của [T](#) nên anh [P1](#) đã báo cáo lên cấp trên đề xuất hướng xử lý. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công việc được giao, anh [P1](#) không biết [T](#) thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của [Công ty T5](#), không bàn bạc thỏa thuận với [T](#) về việc thực hiện hành vi phạm tội, không giúp [T](#) che dấu hành vi phạm tội và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của [T](#). Do đó, không có căn cứ xác định ông [P1](#) đồng phạm giúp sức với [Trần Thị Huyền T](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với chị [Võ Tường Q](#), sinh năm 28/01/1991 ngụ tại [6 H, X, thị trấn chợ L, huyện B, tỉnh Bình Thuận](#)- giám sát kế toán bán hàng của [T](#), nhiệm vụ căn cứ vào báo cáo công nợ thời điểm hiện tại (Báo cáo số 87), báo cáo tình hình công nợ hàng tuần của kế toán bán hàng trên hệ thống để kiểm tra làm rõ các khách hàng còn nợ chưa thanh toán tiền cho [công ty T5](#). Đối chiếu tiền trên báo cáo số 21 (báo cáo này hình thành do kế toán bán hàng nhập số liệu chi tiết tiền thu được của từng đơn hàng) phải bằng số tiền nộp vào ngân hàng hàng ngày và số tiền mặt trên báo cáo số 21 phải bằng tiền trên sổ quỹ của thủ quỹ [Trung tâm P2](#); Theo dõi công nợ khách hàng dựa vào mức công nợ công ty quy định để biết khách hàng nào phải yêu cầu thu hồi công nợ, những khách hàng nào được tiếp tục ra đơn; Xem xét lý do vì sao có công nợ quá hạn và đưa ra hướng giải quyết thu hồi; Theo dõi công nợ trung tâm phân phối [M](#): kiểm tra công nợ liên quan đến bộ phận nào yêu cầu bộ phận đó giải quyết, nếu không giải quyết gửi mail cho phòng nhân sự chỉ lương để cản trở công nợ... Quá trình thực hiện công việc, sau mỗi lần đối chiếu số liệu của anh [Ngô Anh T3](#) đều gửi báo cáo cho chị [Q](#), tuy nhiên việc gửi không thực hiện hàng ngày theo đúng

quy định của Công ty, có khi hai tuần hoặc có khi cả tháng dẫn đến số liệu công nợ khó kiểm soát. Chị [Q](#) được phân công quản lý và trực tiếp làm rất nhiều công việc trong Công ty, nên việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa báo cáo số 21, báo cáo số 87 với báo cáo số 51 còn thực hiện chưa đúng, không kịp thời phát hiện ra hành vi phạm tội của [T](#). Tuy nhiên, quá trình thực hiện công việc được giao, bà [Q](#) không biết [T](#) thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của [Công ty T5](#), không bàn bạc thỏa thuận với [T](#) về việc thực hiện hành vi phạm tội, không giúp [T](#) che giấu hành vi phạm tội và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của [T](#). Do đó, không có căn cứ xác định chị [Q](#) đồng phạm giúp sức với [Trần Thị Huyền T](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với chị [Nguyễn Thị Tuyết H3](#), sinh năm 27/05/1991 ngụ tại [xã N, huyện A, tỉnh Bình Định](#). Nhiệm vụ của chị [H3](#) hàng ngày là tập hợp đủ các Biên bản thu tiền khu vực có ký nhận kèm giấy nộp ngân hàng của nhân viên thu tiền theo từng vùng theo đúng báo cáo (nhiệm vụ này chỉ thực hiện khi nhân viên thu tiền nộp tiền mặt) và nhận tiền; Kiểm tra việc nộp tiền mặt của nhân viên thu tiền, sau đó nộp tiền vào tài khoản [công ty T5](#) qua ngân hàng; Kiểm tra số tiền thu vào bằng hình thức chuyển khoản Căn cứ số tiền do nhân viên thu tiền từng khu vực nộp về, chị [H3](#) báo cáo hàng ngày về cho anh [Nguyễn Vũ Đại P1](#), chị [Võ Tường Q1](#) và [T](#), chị [H3](#) đã báo cáo toàn bộ tiền do ông [T2](#) chuyển khoản về [công ty T5](#) theo đúng quy định, không được tham gia đối chiếu tiền với các bộ phận khác, không nhận tiền do [T](#) chiếm đoạt. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công việc được giao, chị [H3](#) không biết [T](#) thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty, không bàn bạc thỏa thuận với [T](#) về việc thực hiện hành vi phạm tội, không giúp [T](#) che giấu hành vi phạm tội và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của [T](#). Do đó, không có căn cứ xác định chị [H3](#) đồng phạm giúp sức với [Trần Thị Huyền T](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với anh [Ngô Anh T3](#), sinh năm 04/07/1989 ngụ tại: [TDP C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#). Nhiệm vụ của anh [T3](#) là kế toán kiểm tra: Căn cứ số liệu của kế toán bán hàng nhập của ngày hôm trước tiến hành mở kiểm tra tiền thu hàng ngày tại báo cáo số 21, công nợ thực tế tại báo cáo số 51 kiểm tra đối chiếu, sau đó lập một bảng riêng theo mẫu giám sát công nợ kèm số liệu liên quan gửi cho kế toán trưởng kiểm tra và các bộ phận quản lý thu tiền, giám sát kế toán công nợ...ngoài ra còn thực hiện nhiều công việc khác không có trong bản mô tả công việc. Quá trình thực hiện nhiệm vụ anh [T3](#) đã thực hiện không đúng theo quy định của công ty, hàng ngày không tiến hành đối chiếu, kiểm tra, cập nhật, báo cáo cho Giám đốc và các bộ phận liên quan mà để đến cuối tháng mới tiến hành kiểm tra, đối chiếu...công nợ, dẫn đến việc khó kiểm soát, tạo sơ hở cho [T](#) thực hiện hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công việc được giao, anh [T3](#) không biết [T](#) thực hiện

hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty, không bàn bạc thỏa thuận với T về việc thực hiện hành vi phạm tội, không giúp T che giấu hành vi phạm tội và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của T. Do đó, không đủ căn cứ xác định anh T3 đồng phạm giúp sức với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với Hoàng Văn L3, Nguyễn Thị T4 có hành vi thuê Trần Thị Huyền T làm kế toán theo thời vụ cho cơ sở sản xuất khăn mặt, do L3, T4 không biết T bị truy nã về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L3, T4.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[9] Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Huyền T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Trần Thị Huyền T **13 (mười ba) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2023.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Huyền T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo; Bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- PV06, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (2);
- Phòng KTNV & THAHS (1);
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THA dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Bị cáo (1);
- Người bào chữa (1);
- Nguyên đơn dân sự (1);
- Lưu (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Hạnh

